

Số: /QĐ-THCSLQĐ

Lương Bằng, ngày 21 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai minh bạch trong đơn vị
Năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

Căn cứ chức năng, quyền hạn của Hiệu trưởng được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số: 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Căn cứ Luật phòng chống tham nhũng năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ GD - GD quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Theo đề nghị của Bộ phận chuyên môn và văn phòng nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai, minh bạch các hoạt động của trường THCS Lê Quý Đôn năm học 2024-2025 theo nội dung Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ GD - GD quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân gồm: Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông; Công khai Kế hoạch và kết quả hoạt động giáo dục phổ thông (Có biểu mẫu đính kèm).

Điều 2: Các bộ phận và các cá nhân trong trường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận

- Phòng GD&ĐT (để báo cáo);
- Các tổ, đoàn thể trong trường (để giám sát);
- Đăng Website nhà trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Yến

CÔNG KHAI
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN
VIÊN TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

Năm học 2024 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 85/QĐ-THCSLQĐ ngày 21 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THCS Lê Quý Đôn)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Kết quả bồi dưỡng hàng năm		Chuẩn nghề nghiệp			
			T	S	Đ	H	C	D	Số lượng	Tỷ lệ	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số GV, CBQL và NV	28	0	3	25	0	0	0	28	100	19	6	0	0
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	23	0	2	21	0	0	0	23	100	17	6	0	0
1	Toán	4	0	1	3	0	0	0	4	100	3		0	0
2	Vật lý	1	0	0	1	0	0	0	1	100	1		0	0
3	Hóa học	1	0	0	1	0	0	0	1	100	1		0	0
4	Sinh học	1	0	0	1	0	0	0	1	100	1		0	0
5	Tin học	2	0	0	2	0	0	0	2	100	2		0	0
6	Ngữ văn	3	0	0	3	0	0	0	3	100	2	1	0	0
7	Lịch sử	1			1				1	100		1	0	0
8	Địa lý	1		1					1	100	1		0	0
9	GDKT&PL	1			1				1	100	1		0	0
10	NN	3			3				3	100	1	2	0	0
11	CN	1			1				1	100	1		0	0
12	GDTC	2			2				2	100	1	1	0	0
13	GDQP&AN	0							0				0	0
II	Cán bộ quản lý													
1	Hiệu trưởng	1	0	1	0	0	0	0	1	100	1	0	0	0
2	Phó hiệu trưởng	1	0	0	1	0	0	0	1	100	1	0	0	0
III	Nhân viên													
1	Văn thư	1	0	0	1	0	0	0						
2	Kế toán	1	0	0	1	0	0	0						
3	Thủ quỹ	0	0	0		0	0	0						
4	Nhân viên y tế	0	0	0		0	0	0						
5	Thiết bị TN	1	0	0	1	0	0	0						

CÔNG KHAI
THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG
CHUNG TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

Năm học 2024 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 85/QĐ-THCSLQĐ ngày 21 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THCS Lê Quý Đôn)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân/đối sánh với yêu cầu tối thiểu
I	Số phòng học	12	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	12	Đạt yêu cầu
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	8	Đạt yêu cầu
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	Đạt yêu cầu
8	Bình quân học sinh/lớp	45	Đạt yêu cầu
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.639	10.88 m ² /1 học sinh (Đạt yêu cầu)
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	2000	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	804	Đạt yêu cầu
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	630	Đạt yêu cầu
3	Diện tích thư viện (m ²)	128	Đạt yêu cầu
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	18/48	Đạt yêu cầu
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	4	
1.1	Khối lớp 6	1	Đạt yêu cầu
1.2	Khối lớp 7	1	Đạt yêu cầu
1.3	Khối lớp 8	1	Đạt yêu cầu
1.4	Khối lớp 9	1	Đạt yêu cầu
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		

2.1	Khối lớp 6	0	
2.2	Khối lớp 7	0	
2.3	Khối lớp 8	0	
2.4	Khối lớp 9	0	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	Xưởng trường	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	45	Số học sinh/bộ 12
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác	20	
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	05	
2	Cát xét	2	Đạt yêu cầu
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	Đạt yêu cầu
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	Đạt yêu cầu
5	Thiết bị khác...	20	Đạt yêu cầu

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
--	----------	----	-------

XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Điện lưới	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

XX. Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được nhà trường lựa chọn, sử dụng theo quy định của pháp luật

1. Danh mục sách giáo khoa lớp các khối lớp 6 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

TT	Tên sách, bộ sách	Tác giả(Tổng chủ biên)	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 6, tập một (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 6, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 6, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 6, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 6 Global Succes	Hoàng Văn Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (phần Lịch sử), Đào Ngọc Hùng (phần Địa lí)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 6 (Cánh diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)
7	Âm nhạc 6 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Hiền	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)
8	Mĩ thuật 6 (Chân trời sáng tạo bản 1)	Nguyễn Thị Nhung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Giáo dục thể chất 6	Nguyễn Duy Quyết	Nhà xuất bản Giáo dục

	(Kết nối tri thức với cuộc sống)		Việt Nam
11	Công nghệ 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 6 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

2. Danh mục sách giáo khoa lớp các khối lớp 7 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

TT	Tên sách, bộ sách	Tác giả(Tổng chủ biên)	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 7, tập một (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 7, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 7, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 7, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 7 Global Succes	Hoàng Văn Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (phần Lịch sử), Đào Ngọc Hùng (phần Địa lí)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 7 (Cánh diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)
7	Âm nhạc 7 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Hiên	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)
8	Mĩ thuật 7(Chân trời sáng tạo bản 1)	Nguyễn Thị Nhung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

10	Giáo dục thể chất 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

3. Danh mục sách giáo khoa lớp các khối lớp 8 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

TT	Tên sách, bộ sách	Tác giả(Tổng chủ biên)	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 8, tập một (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 8, tập hai (Chân trời sáng tạo)	Nguyễn Thị Hồng Nam, Nguyễn Thành Thi (đồng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
2	Toán 8, tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Toán 8, tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 8 Global Succes	Hoàng Văn Vân	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học tự nhiên 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (phần Lịch sử), Đào Ngọc Hùng (phần Địa lí)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 8 (Cánh diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)
7	Âm nhạc 8 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Hiên	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC)
8	Mĩ thuật 8 (Chân trời sáng tạo bản 1)	Nguyễn Thị Nhung	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tin học 8 (Kết nối tri	Nguyễn Chí Công	Nhà xuất bản Giáo dục

	thức với cuộc sống)		Việt Nam
10	Giáo dục thể chất 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Công nghệ 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 8 (Chân trời sáng tạo 1)	Đinh Thị Kim Thoa	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

4. Danh mục sách giáo khoa lớp các khối lớp 9 sử dụng trong trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt

STT	Môn	Tên bộ sách	Tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn	Chân trời sáng tạo	Nguyễn Thị Hồng Nam- Nguyễn Thành Thi	NXBGD Việt Nam
2	Lịch sử và Địa lí	Kết nối tri thức với cuộc sống	Vũ Minh Giang(tổng chủ biên xuyên suốt phần lịch sử) Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên kiêm chủ biên phần Địa lí)	NXBGD Việt Nam
3	GDCD	Cánh diều	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng chủ biên). Phạm Việt Thắng (Chủ biên)	Công ty Cổ phần Đầu tư xuất bản-TBGD VN(VEPIC) (Đơn vị liên kết: NXB ĐH Huế)
4	Âm nhạc	Cánh diều	Đỗ Thanh Hiên (Tổng chủ biên) Nguyễn Mai Anh. Vũ Ngọc Tuyên	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản-TBGD Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: NXB ĐH Huế)
5	Tiếng Anh	Tiếng Anh 9 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc	NXB công ty TNHH Education Solutions Việt Nam

6	Toán	Kết nối tri thức với cuộc sống.	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên)	NXBGD Việt Nam
7	Khoa học tự nhiên	Kết nối tri thức với cuộc sống.	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên),	NXBGD Việt Nam
8	Tin học	Kết nối tri thức với cuộc sống.	Nguyễn Chí Công(Tổng chủ biên)	NXBGD Việt Nam
9	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống. (Modul: Trồng cây ăn quả)	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên)	NXBGD Việt Nam
10	Giáo dục thể chất	Kết nối tri thức với cuộc sống.	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên)	NXBGD Việt Nam
11	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Chân trời sáng tạo - Bản 1	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên)	NXBGD Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp	Chân trời sáng tạo - Bản 1	Đinh Thị Kim Thoa (Tổng chủ biên),	NXBGD Việt Nam

CÔNG KHAI
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG
TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

Năm học 2024 – 2025

(Kèm theo Quyết định số 85/QĐ-THCSLQĐ ngày 21 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THCS Lê Quý Đôn)

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục: Cấp độ 2, chuẩn quốc gia mức độ 1

2. Kế hoạch cải tiến chất lượng

IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

TT	Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả cần đạt (so với hiện trạng)	Công việc/giải pháp cần thực hiện	Chủ trì và phối hợp thực hiện	Thời gian thực hiện và hoàn thành	Dự kiến kinh phí	Điều kiện hỗ trợ khác	Ghi chú
MỨC 1, 2, 3								
1	Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường							
	Tiêu chí 1.1	Triển khai công tác xã hội hóa giáo dục một cách thực chất, đúng quy định để có thể huy động tối đa nguồn lực trong xã hội nhằm tăng cường cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động dạy và học.	- Xây dựng Kế hoạch xã hội hóa giáo dục hàng năm. - Tiếp xúc, tìm hiểu các doanh nghiệp trên địa bàn, các cựu học sinh thành đạt, các phụ huynh có điều kiện kinh tế.	Ban giám hiệu.	Từ năm học 2025-2026			
	Tiêu chí 1.2	Xây dựng kế hoạch hoạt động của các hội đồng đặc biệt là hội đồng Thi đua khen thưởng cụ thể hơn nữa. Định kì rà soát chi tiết, cụ thể hoạt động của các hội đồng trong nhà trường.		Ban giám hiệu, thành viên các hội đồng.	Từ năm học 2025-2026			
	Tiêu chí 1.3	Hài hòa các nội dung chuyên môn và nội dung công tác đảng trong các buổi sinh hoạt chi	Ban chi ủy và BGH sẽ phối hợp, thảo luận kỹ để hài hòa các nội dung chuyên môn	Ban chi ủy và Ban giám hiệu.	Từ năm học 2025-2026.			

		bộ hàng tháng.	và nội dung công tác đảng trong các buổi sinh					
	Tiêu chí 1.4	Tổ trưởng một số tổ chuyên môn chưa có nhiều các chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục tích cực học tập các tổ đã thực hiện các chuyên đề thường xuyên, hiệu quả để triển khai thực hiện các chuyên đề chuyên môn một cách đồng đều, hiệu quả.	Ban chuyên môn tổ chức các buổi hội thảo, tập huấn cho các tổ trưởng và tổ viên các tổ chuyên môn chưa có nhiều các chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.	Ban chuyên môn, thành viên tổ chuyên môn KHTN	Từ năm học 2025-2026.			
	Tiêu chí 1.5	Đảm bảo mỗi lớp không quá 40 học sinh.	Khi xếp lớp, Hiệu trưởng nhà trường sẽ chú ý đến sĩ số để đảm bảo mỗi lớp không quá 40 học sinh.	Hiệu trưởng.	Từ năm học 2025-2026.			
	Tiêu chí 1.6	Tăng cường công tác bảo quản, vệ sinh các thiết bị, đồ dùng.	- Nhân viên phụ trách thiết bị, đồ dùng tăng cường công tác bảo quản, vệ sinh các thiết bị, đồ dùng. - BGH nhà trường sẽ tích cực tuyên truyền về ý thức giữ gìn tài sản trong các phòng học, các phòng chức năng, phòng làm việc đến cán bộ, giáo viên, nhân viên trong các cuộc họp HĐGD hoặc các buổi sinh hoạt lớp, chào cờ đầu tuần.	Nhân viên phụ trách thiết bị, đồ dùng; Hiệu trưởng.	Từ năm học 2025-2026.			
	Tiêu	Nâng cáo công tác	- Tăng cường	BGH, tổ	Từ năm			

	chí 1.7	tự bồi dưỡng của giáo viên.	kiểm tra giám sát công tác tự bồi dưỡng của giáo viên. - Tạo điều kiện tốt đa cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn hoặc học cao học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghịệp vụ.	trưởng các tổ chuyên môn, giáo viên.	học 2025- 2026.			
	Tiêu chí 1.8	Xây dựng cơ chế quản lí hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường phù hợp, hiệu quả.	- Tích cực tuyên truyền các quy định về dạy thêm, học thêm, nhất là dạy thêm, học thêm bên ngoài nhà trường đến giáo viên và học sinh. - Tiếp tục tham mưu với Sở GD - ĐT Hưng Yên để xây dựng cơ chế quản lí hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường phù hợp, hiệu quả.	Ban giám hiệu.	Từ năm học 2025- 2026.			
	Tiêu chí 1.9	Động viên được 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên tích cực đóng góp ý kiến bằng hình thức trao đổi trực tiếp hoặc bằng văn bản.	- Xây dựng cơ chế phù hợp để động viên được 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên tích cực đóng góp ý kiến bằng hình thức trao đổi trực tiếp hoặc bằng văn bản. - Lãnh đạo cầu thị, tiếp thu ý kiến của cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Ban giám hiệu, Ban chấp hành Công đoàn.	Từ năm học 2025- 2026.			
	Tiêu	Tổ chức nhiều	- Xây dựng kế	Ban giám	Từ năm			

	chí 1.10	buổi truyền thông đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.	hoạch phối hợp hằng năm với Công an huyện, TTYT huyện. - Chỉ đạo Đoàn trường tổ chức Chương trình Sân khấu học đường với các tiểu phẩm mang nội dung truyền thông đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.	hiệu, Ban chấp hành Công đoàn, Ban chấp hành Đoàn trường.	học 2025- 2026.			
2	Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên							
	Tiêu chí 2.1	Nâng cao trình độ ngoại ngữ của tập thể BGH nhà trường.	- Động viên các cá nhân trong BGH tích cực, chủ động học tập để nâng cao trình độ ngoại ngữ.	Ban giám hiệu.	Từ năm học 2025- 2026.			
	Tiêu chí 2. 2	Tạo điều kiện tối đa cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn hoặc học cao học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	- Tạo điều kiện tối đa cho giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn hoặc học cao học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.	Ban giám hiệu.	Từ năm học 2025- 2026.			

	Tiêu chí 2.4	Chỉ đạo quyết liệt trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về an toàn giao thông đến từng học sinh.	- Chỉ đạo Đoàn trường thành lập đội tự quản để kiểm tra, nhắc nhở học sinh trên các tuyến đường từ nhà đến trường và từ trường về nhà. - Thành lập Đài phát thanh Đoàn trường để tuyên truyền pháp luật nói chung, pháp luật về an toàn giao thông nói riêng. - Phối hợp với Công an các xã trên địa bàn và đội cảnh sát giao thông công an huyện Kim Động để tuyên truyền hoặc xử lý học sinh vi phạm luật giao thông.	Ban giám hiệu, Ban Chấp hành Đoàn trường.	Từ năm học 2025-2026.			
3	Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học							
	Tiêu chí 3.1.		Tham mưu với các cấp lãnh đạo, thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục tăng cường cơ sở vật chất: xây mới nhà đa năng, bổ sung thiết bị khu sân chơi bãi tập. Trường thực hiện tốt công tác quản lí, chỉ đạo giữ gìn vệ sinh trường lớp luôn khang trang, sạch đẹp. Tiếp tục tăng cường trồng bổ	Hiệu trưởng Phó Hiệu trưởng Kế toán	Từ NH 2025-2026 và những năm tiếp			

			sung và chăm sóc cây bóng mát, xây dựng vườn trường, sửa chữa bồn hoa cây cảnh tạo cảnh quan trường học luôn xanh, sạch, đẹp, thân thiện, an toàn.					
	Tiêu chí 3.2.		Tham mưu với các cấp lãnh đạo đầu tư mua sắm trang, thiết bị cho các phòng học bộ môn đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa. Hàng năm, nhà trường tiếp tục tiến hành rà soát, kiểm kê cơ sở vật chất, trang thiết bị phòng học, phòng học bộ môn, khối phục vụ học tập vào đầu năm học và cuối năm học để có kế hoạch tu sửa, mua sắm bổ sung bàn ghế học sinh, trang thiết bị trong phòng học, phòng học bộ môn đảm bảo chất lượng phục vụ tốt nhất cho hoạt động dạy và học	Hiệu trưởng Phó Hiệu trưởng Kế toán	Từ NH 2025-2026 và những năm tiếp			
	Tiêu chí 3.3	Mua sắm bổ sung, nâng cấp kịp thời máy tính, máy in, sửa chữa máy photocopy.	Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung, nâng cấp kịp thời máy tính, máy in, sửa chữa máy photocopy.	Ban giám hiệu, kế toán.	Từ năm học 2025-2026.			

	Tiêu chí 3.5	Mua sắm bổ sung đồ dùng các môn học trong các năm học tiếp theo, tiếp tục phát động giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, đưa vào tiêu chí đánh giá thi đua hàng năm. Yêu cầu nhân viên thiết bị sắp xếp đồ dùng, thiết bị khoa học hơn, đặc biệt các đồng chí giáo viên phụ trách các phòng bộ môn KHTN thường xuyên lau chùi dụng cụ thực hành, thí nghiệm thuận lợi cho việc sử dụng kiểm kê.	- Tổ chức Hội thi tự làm đồ dùng, thiết bị dạy học trong giáo viên. - Đánh giá, nhận xét hiệu quả sử dụng phòng học bộ môn, thiết bị, hóa chất trong các cuộc họp HĐGD hàng tháng.	Ban giám hiệu, kế toán, nhân viên thiết bị.	Từ năm học 2025-2026.			
4	Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội							
	Tiêu chí 4.1	Nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh về vai trò của việc phối hợp giáo dục giữa gia đình, nhà trường và xã hội.	- Nhà trường tiếp tục tạo mọi điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, lớp thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. - Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cha mẹ học sinh về vai trò của việc phối hợp giáo dục giữa gia đình, nhà trường và xã hội.	Ban giám hiệu; Ban đại diện CMHS.	Từ năm học 2025-2026.			

			Làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục nhằm thu hút sự quan tâm của toàn xã hội đối với giáo dục, trong đó có cha mẹ học sinh. - Tổ chức các hoạt động tập huấn về Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của ban đại diện các lớp.					
	Tiêu chí 4.2	Tiếp tục làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục, tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp, cá nhân hảo tâm để xây dựng CSVC và tổ chức các hoạt động của nhà trường.		Ban giám hiệu, các thành viên hội đồng giáo dục nhà trường.	Từ năm học 2025-2026.			
5	Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục							
	Tiêu chí 5.1	Hàng năm tổ chức bồi dưỡng về thực hiện chuyên đề đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin ở các tổ, nhóm chuyên môn nhiều hơn nữa để nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên.	- Xây dựng Kế hoạch tổ chức các cuộc hội thảo chuyên môn cho từng năm học. - Động viên, khuyến khích cán bộ, giáo viên tham gia các khóa học ngắn hạn để đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin.	Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, các thành viên hội đồng giáo dục nhà trường.	Từ năm học 2025-2026.			
	Tiêu chí 5.2	Giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện khoa học hơn, cụ thể hơn.	Xây dựng kế hoạch giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	Ban giám hiệu; Ban chuyên môn.	Từ năm học 2025-2026.			

			khoa học hơn, cụ thể hơn ngay từ đầu năm học.					
	Tiêu chí 5.3	Nghiên túc thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương cho phù hợp với sự phát triển của đại phương.		Ban chuyên môn, tổ trưởng tổ KHXH, giáo viên các môn Lịch sử, Địa lý.	Từ năm học 2025-2026.			
	Tiêu chí 5.4	Xây dựng và thực hiện hồ sơ hướng nghiệp đảm bảo khoa học, phù hợp hơn.	- Hàng năm chỉ đạo giáo viên tích cực tập huấn về nội dung giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm mà cấp trên tổ chức. - Thường xuyên kiểm tra hồ sơ hướng nghiệp.	Các giáo viên được phân công giảng dạy nội dung giáo dục hướng nghiệp, hoạt động trải nghiệm mà cấp trên tổ chức	Từ năm học 2025-2026.			
	Tiêu chí 5.5	Trong các năm học tiếp theo, lãnh đạo nhà trường có kế hoạch chú ý đầu tư hơn nữa trong việc tổ chức chuyên đề giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân, gia đình phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh THCS.	Cử giáo viên có năng lực học lớp bồi dưỡng tư vấn tâm lý do Sở GD-ĐT Hưng Yên tổ chức.	Ban giám hiệu, tổ Tư vấn tâm lý học đường.	Từ năm học 2025-2026.			
	Tiêu chí 5.6	Đẩy mạnh hoạt động của câu lạc bộ Tiếng Anh hàng tháng.	- Thành lập CLB Tiếng Anh từ đầu năm học. - Tạo điều kiện để CLB được giao lưu với các CLB khác.	Ban giám hiệu, tổ Ngoại ngữ, Ban chủ nhiệm lạc bộ Tiếng Anh.	Từ năm học 2025-2026.			
MỨC 4								

	Tiêu chí 1	Nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, ứng dụng công nghệ thông tin vào học tập, trao đổi, từng bước xây dựng nhà trường ngày càng phát triển.						
	Tiêu chí 2	Nhà trường tiếp tục tìm nguồn đầu tư thêm cơ sở vật chất cao hơn và đầu tư vào chuyên môn, thuê các chuyên gia về các bộ môn năng khiếu để tạo điều kiện cho học sinh năng khiếu phát huy được khả năng của mình.						
	Tiêu chí 3	Nhà trường tiếp tục tuyên truyền rộng rãi, đầu tư thêm các nguồn lực hướng dẫn giúp đỡ các em học sinh tích cực tham gia tạo thành các phong trào thi đua sôi nổi.						
	Tiêu chí 4	Nhà trường tiếp tục tìm nguồn để tăng cường mua bổ sung tài liệu truyền thống và CNTT cho phòng thư viện.						
	Tiêu chí 5	Nhà trường thường xuyên rà soát lại phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra xây dựng chiến lược sát với thực tế và quyết tâm thực hiện.						
	Tiêu	Nhà trường xây						

	chí 6	dựng kế hoạch, tiếp tục phấn đấu để giữ vững và đạt kết quả cao hơn về chất lượng cũng như các phong trào hoạt động khác.						
--	-------	---	--	--	--	--	--	--

CÔNG KHAI KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG THCS LÊ QUÝ ĐÔN

Năm học 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số 85/QĐ-THCSLQĐ ngày 21 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THCS Lê Quý Đôn)

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

1.1. Kế hoạch tuyển sinh

(Có văn bản đính kèm)

1.2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường

(Có văn bản đính kèm)

1.3. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

(Có văn bản đính kèm)

1.4. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh của nhà trường

(Có văn bản đính kèm)

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học

- Kết quả tuyển sinh: 135 học sinh
- Tổng số học sinh theo khối:
 - + Khối 6: 135 (45 học sinh/ lớp)
 - + Khối 7: 136 (45.3 học sinh/ lớp)
 - + Khối 8: 135 (45 học sinh/ lớp)
 - + Khối 9: 137 (45,7 học sinh/lớp)
- Số học sinh học 2 buổi/ ngày: 0
- Học sinh là người dân tộc thiểu số: 0
- Học sinh khuyết tật: 0
- Số học sinh chuyển đi: 02
- Số học sinh chuyển đến: 1

2.1. Chất lượng đại trà

- + Kết quả rèn luyện: Tốt: 502 em đạt tỷ lệ 92,6% ; Khá: 38 em đạt tỷ lệ 7,0%
- + Kết quả học tập: Tốt: 369 em đạt tỷ lệ 68,1%; Khá: 165 em đạt tỷ lệ 30,4% ; Đạt: 8 em chiếm tỷ lệ 1,5%

*** Học sinh đạt danh hiệu:**

Xuất sắc: 57 em đạt tỷ lệ 10,52

Học sinh giỏi: 312, đạt tỷ lệ 57,56

Học sinh được khen thưởng: 369 em đạt tỷ lệ 62%

2.2. Chất lượng mũi nhọn:

- 02 học sinh đạt giải ba cấp tỉnh tại cuộc thi NCKHKT,
- 42 em học sinh được công nhận học sinh giỏi cấp tỉnh các bộ môn văn hóa do Sở Giáo dục tỉnh Hưng Yên tổ chức; trong đó là một trong rất ít trường chất lượng cao có 02 em HS đạt giải nhất (tăng 05 em so với năm học trước);
- 39 em đạt danh hiệu HSG cấp huyện với 06 em đạt giải nhất (tăng 06 em so với năm học 2023-2024);
- Thi học sinh giỏi môn Toán, Văn, Anh lớp 6,7,8

STT	Môn	Tổng số giải	Nhất	Nhì	Ba	Khuyến khích
1.	Toán 6	18	1	3	5	9
2.	Văn 6	14	1	2	5	6
3.	Anh 6	16	1	3	4	8
4.	Toán 7	18	1	3	6	8
5.	Văn 7	13	1	2	5	6
6.	Anh 7	13	1	2	4	6
7.	Toán 8	16	1	3	5	7
8.	Văn 8	13	1	2	4	6
9.	Anh 8	11	1	2	3	5
10	KHTN 8	14	1	3	4	6
11	LS- ĐL	12	1	2	4	6
Tổng		158	11	27	49	73

2.3. Cuộc thi trên mạng Internet:

* *Violympic Toán*

- Cấp tỉnh: 81 học sinh đạt giải, trong đó có: 03 Huy chương vàng; 08 huy chương bạc; 02 huy chương đồng ; 68 giải khuyến khích
- Cấp Quốc gia: 10 học sinh đạt giải, trong đó có: 1 huy chương vàng ; 1 huy chương bạc, 8 khuyến khích

* *IOE*

- Vinh danh cấp quốc gia : 09 lượt HS
- Thi cấp tỉnh: có 34 HS đạt giải, trong đó có: 05 giải nhất, 09 giải nhì, con lại giải ba và KK
- Thi cấp Quốc Gia: có 03 HS đạt huy chương đồng
- * Toán vnedu cấp Tỉnh: 04 học sinh đạt giải

2.4. Kết quả thi vào lớp 10 THPT và lớp 10 chuyên

Đứng thứ nhất toàn huyện: THPT Chuyên: 35 HS đỗ.

Đỗ vào các trường THPT không chuyên; 137/137 em, đạt tỷ lệ 100%

=> 01 em thủ khoa trường THPT Kim Động (28,5 điểm); 01 em á khoa (28 điểm)

2.5. Tổ chức các hoạt động giáo dục

- Tổ chức thành công Lễ khai giảng, lễ kỷ niệm ngày 20/11

- Tổ chức thành công các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp tại trường theo các chủ đề: Ứng phó với căng thẳng và áp lực; Trách nhiệm của người học sinh; Nói không với bạo lực học đường; Yêu thương với người thân trong gia đình; Tôn trọng người lao động; Bảo vệ môi trường... đảm bảo 01 chủ đề/tháng (các lớp thực hiện bám sát các chủ đề trong chương trình HĐTNHN của các khối lớp, đầu tư về nội dung, hình thức).

- Tổ chức hoạt động trải nghiệm ngoài trường cho 4 khối tại khu di tích lịch sử Thành cổ Sơn Tây và KDL Khoang Xanh suối tiên.

- Tham gia ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng do hoàn lưu bão số 3 tổng số tiền 24.685.000 đồng

- Phối kết hợp với công an huyện Kim Động đến tuyên truyền cho học sinh toàn trường các quy định khi tham gia giao thông đường bộ, quy định phòng chống cháy nổ, phòng chống ma túy và các chất gây nghiện...

- Tham gia thi vòng Bán kết Gameshow “Thấp sáng tài năng xứ Nhân” năm 2024 đạt giải Nhất vòng loại và các vòng bán kết, được chọn là 1 trong 4 trường trong toàn tỉnh tham gia vòng chung kết đạt giải Ba.

- Tổ chức mua tấm ủng hộ người mù huyện Kim Động, ủng hộ hội chữ thập đỏ huyện, Ủng hộ quỹ nạn nhân chất độc da cam...

- Tham gia ủng hộ học sinh của trung tâm khuyết tật Chiến Công tại Ân Thi số tiền 5.947.000 đồng.

- Phối kết hợp với công an huyện tỉnh Hưng yên, Sở lao động TB&XH; Cơ quan trợ giúp Pháp lý tỉnh Hưng Yên đến tuyên truyền cho học sinh toàn trường kỹ năng sử dụng không gian mạng an toàn, phòng chống các chiêu trò lừa đảo qua mạng xã hội; phòng chống cháy nổ và tham gia giao thông an toàn.

- Tổ chức mua tấm ủng hộ người mù huyện Kim Động, ủng hộ hội chữ thập đỏ huyện, Ủng hộ quỹ nạn nhân chất độc da cam...

- Tích cực tham gia các cuộc thi trực tuyến, trực tiếp do nhà trường và các cấp tổ chức.

2.6. Cơ sở vật chất của nhà trường được đầu tư

- Trường có 4 dãy nhà, trong đó:

+ Nhà B2: Gồm 8 phòng học, có đầy đủ quạt mát, ánh sáng, máy chiếu, hệ thống camera, bàn ghế đúng kích cỡ.

+ Nhà B1 mới xây: Gồm 8 phòng học trong đó có 04 phòng được sử dụng làm phòng học có đầy đủ quạt mát, ánh sáng, máy chiếu, bàn ghế đúng kích cỡ.

+ Nhà C: 01 phòng tin học với 45 máy tính, 02 phòng thực hành môn KHTN, phòng âm nhạc, mỹ thuật, phòng lap.

+ Nhà D: Khu nhà Hiệu bộ là nơi làm việc của lãnh đạo trường và các cán bộ, nhân viên, giáo viên.

Ngoài các dãy nhà làm phòng học và phòng làm việc còn có đầy đủ sân chơi và hệ thống cây xanh được quy hoạch khoa học

- Trong năm học nhà trường rà soát csvc, trang thiết bị dạy học và kịp thời mua bổ sung đáp ứng chương trình GDPT 2018 và đáp ứng việc chuyển đổi số của ngành đang thực hiện.

=> Đến nay hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng thí nghiệm, thư viện được trang bị đầy đủ đáp ứng nhu cầu dạy và học theo chương trình GDPT 2018, hệ thống

tường bảo vệ, sân chơi, bãi tập, đường đi, lán xe được xây dựng mới, hợp lý tạo cảnh quan xanh - sạch - đẹp.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Yến

